

Bản án số: 23/2024/HS-ST
Ngày 27-5-2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Dân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Võ Hoàng H.

2. Bà Trần Thị Sầm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Mai, Thư ký Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Lê Kim Chăm - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 24 và 27 tháng 5 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 10/2024/TLST-HS ngày 15 tháng 3 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2024/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 25/2024/HSST-QĐ ngày 08 tháng 5 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. **Nguyễn Mộng T**, sinh năm: 2000, nơi sinh: tỉnh Sóc Trăng; nơi cư trú: Ấp LH, xã TL, thị xã QT, tỉnh Sóc Trăng; nghề nghiệp: Làm vườn; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn L, sinh năm: 1968 và bà Trần Thị M, sinh năm: 1971; chưa có vợ con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 28/10/2023 cho đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện M, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. **Hồ Tấn P**, sinh năm: 1992, nơi sinh: tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: Ấp PH, xã TĐ, huyện G, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hồ Minh Đ, sinh năm: 1967 và bà Võ Thị H, sinh năm: 1974; vợ: Hồ Thị Thu Hằng (đã ly hôn) và 01 người con sinh năm 2018; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 30/8/2023 cho đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện M, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. **Nguyễn Nhặt K**, sinh năm: 2000, nơi sinh: tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: Ấp VK, xã AT, huyện M, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn K, sinh năm: 1970 và bà Trần Thị K, sinh năm: 1975; chưa có vợ con; tiền án:

Không; tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ từ ngày 16/8/2023 đến ngày 22/8/2023 chuyển sang tạm giam cho đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện M, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4. **Nguyễn Trung H**, sinh năm: 1996, nơi sinh: tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: Ấp VK, xã AT, huyện M, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Trung Dũng (đã chết) và bà Trần Thị Mai (đã chết); chưa có vợ con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

5. **Dương Tuấn H**, sinh ngày: 19/3/2005, nơi sinh: Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: Ấp PT, xã AD, huyện M, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: Sửa xe; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Văn T, sinh năm: 1983 và bà Nguyễn Thị P (đã chết); chưa có vợ con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 16/10/2023 nhưng do vi phạm nghĩa vụ cam đoan khi được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú nên ngày 06/11/2023 bị bắt tạm giam cho đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện M, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Võ Văn V, sinh năm: 1979.

Nơi cư trú: Số 171, ấp PH, xã TĐ, huyện G, tỉnh Bến Tre (Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

2. Chị Nguyễn Thị Kiều T, sinh năm: 1994.

Nơi cư trú: Ấp TĐ, xã QS, huyện VL, tỉnh Vĩnh Long (Có mặt).

3. Chị Võ Thị H, sinh năm: 1974.

Nơi cư trú: Số 391, ấp PH, xã TĐ, huyện G, tỉnh Bến Tre (Vắng mặt).

4. Chị Trần Thị K, sinh năm: 1975.

Nơi cư trú: Ấp VK, xã AT, huyện M, tỉnh Bến Tre (Có mặt).

5. Anh Bùi Văn S, sinh năm: 1996.

Nơi cư trú: Ấp TX, xã TT, huyện B, tỉnh Bến Tre (Vắng mặt).

6. Bà Lê Thị M, sinh năm: 1942.

Nơi cư trú: Tổ DTQ số 10, khu phố 5, thị trấn MC, huyện M, tỉnh Bến Tre (Vắng mặt).

7. Bà Nguyễn Thị K, sinh năm: 1942.

Nơi cư trú: Số 223/1A, ấp VK, xã AT, huyện M, tỉnh Bến Tre (Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

8. Ông Trương Văn B, sinh năm: 1969.

Nơi cư trú: Ấp BT, xã BP, thành phố BT, tỉnh Bến Tre (Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

9. Bà Trần Thị H, sinh năm: 1963.

Nơi cư trú: Số 341D, khu phố 4, phường 5, thành phố BT, tỉnh Bến Tre (Vắng mặt).

10. Chị Lê Thị Kim V, sinh năm: 1983.

Nơi cư trú: Ấp 3, xã QS, huyện CT, tỉnh Bến Tre (Vắng mặt).

11. Bà Huỳnh Thị Lệ H, sinh năm: 1956.

Nơi cư trú: Ấp PH, xã RP, huyện CT, tỉnh Bến Tre (Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

12. Anh Lê Đăng K, sinh năm: 1976.

Nơi cư trú: Ấp PQ, xã TH, huyện M, tỉnh Bến Tre (Vắng mặt).

13. Anh Phạm Minh H, sinh năm: 2002.

Nơi cư trú: Số 65/F5, khu phố 4, phường PT, thành phố BT, tỉnh Bến Tre (Vắng mặt).

14. Chị Trương Thị Thúy K, sinh năm: 1991.

Nơi cư trú: Ấp HT, xã TH, huyện M, tỉnh Bến Tre (Vắng mặt).

15. Anh Nguyễn Tùng D, sinh năm: 1993.

Nơi cư trú: Số 204A6, khu phố 3, phường PT, thành phố BT, tỉnh Bến Tre (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- Đối với hành vi của Nguyễn Mộng T, Nguyễn Nhật K và Hồ Tấn P:

Khoảng đầu tháng 7 năm 2023, do đang thiếu nợ, không có tiền trả nên Nguyễn Mộng T nảy sinh ý định làm tiền giả để bán kiếm lời, lấy tiền trả nợ. Để thực hiện ý định, T đã lên mạng xã hội học cách làm tiền giả. Sau đó, T đến các cửa hàng (không rõ tên, địa chỉ) trên địa bàn Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh mua các công cụ, phương tiện làm tiền giả như: 01 máy photo màu cùng 04 bình mực, 01 máy ép nhựa, 02 gam giấy A4, 02 cuộn nhựa khổ A4, dao lam, dao rọc giấy... mang về phòng trọ ở số 64/7 Nguyễn Thị Sóc, ấp Bắc Lân, xã Bà Điểm, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh. Tại đây, T đã thực hiện hành vi làm tiền giả bằng cách: Đầu tiên, lấy 02 tờ tiền thật mệnh giá 200.000 đồng để trên bề mặt máy photocopy, photocopy ra giấy A4 được 01 mặt hình 02 tờ tiền, sau đó trở bề mặt giấy A4 và 02 tờ tiền thật lại tiếp tục photocopy ra 01 mặt còn lại của 02 tờ tiền. Tiếp theo, T dùng dao lam cắt thành cửa sổ lớn, nhỏ trên tờ tiền, dùng cuộn nhựa kẹp hai bên tờ tiền và đưa vào máy ép nhựa. Ép nhựa xong thì sử dụng dao rọc giấy cắt thành từng tờ tiền giả. Đối với tiền giả 500.000 đồng, phương pháp làm ra và hoàn thiện cũng giống như làm tiền giả mệnh giá 200.000 đồng.

Sau khi thực hiện thành công việc làm tiền giả, T sử dụng tài khoản Facebook tên “Nguyễn T” lên mạng xã hội đăng nội dung “Cần tìm người mua bán tiền giả” để bán. Sau đó, T kiểm tra thấy tài khoản Facebook của Hồ Tấn P tên “Cậu Hai” nhắn

nội dung “ai thật sự có hàng thì ib: 0327046388” nên lưu lại số điện thoại và sử dụng tài khoản Zalo “Nguyễn T” của mình kết bạn Zalo với tài khoản tên “HTP” của P. Qua thỏa thuận, Mộng T thống nhất bán tiền giả cho P với giá 1.000.000 đồng tiền thật mua được 3.000.000 đồng tiền giả, hình thức giao dịch trực tiếp, địa điểm giao dịch tại khu vực chợ Bà Điểm, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh. Thỏa thuận xong, T bắt đầu làm tiền giả để bán cho P. T làm ra 4.000.000 đồng tiền giả, gồm 02 tờ mệnh giá 500.000 đồng và 15 tờ mệnh giá 200.000 đồng rồi cất giữ tại phòng trọ. Như đã hẹn, khoảng 15 giờ (không rõ ngày) vào đầu tháng 7 năm 2023, P sử dụng xe mô tô nhãn hiệu Airblade, biển số 71B2-278.16 điều khiển đi từ tỉnh Bến Tre đến điểm hẹn để gặp T. Khi đến nơi, T đưa cho P 3.000.000 đồng tiền giả, gồm 02 tờ mệnh giá 500.000 đồng và 10 tờ mệnh giá 200.000 đồng được gói trong tờ giấy A4 có quần băng keo bên ngoài, P trả 1.000.000 đồng tiền thật cho T rồi điều khiển xe ra về. Khi về đến tỉnh Bến Tre, do không dám sử dụng nên P điện thoại cho Nguyễn Nhật K hẹn ngày hôm sau gặp tại quán cà phê Trung Nguyên tại địa chỉ: Số 464, đường Nguyễn Huệ, phường Phú Khương, thành phố BT, tỉnh Bến Tre. Khoảng 10 giờ ngày hôm sau, K rủ thêm Nguyễn Trung H đi cùng để gặp P. Khi gặp nhau, P hỏi K có xài tiền giả được không, K nói “đưa cho em xài coi được không”, P lấy từ trong túi đeo chéo trước ngực ra tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng giả đưa cho K xem, K biết là tiền giả và nói “để em xài thử” và trả tờ tiền lại cho P, H cũng nghe thấy sự việc này. Sau đó, P cùng K vào nhà vệ sinh, P đưa cho K 3.000.000 đồng tiền giả gồm 02 tờ có mệnh giá 500.000 đồng và 10 tờ có mệnh giá 200.000 đồng, kêu K sử dụng và nói sử dụng xong rồi trả lại số tiền 1.000.000 đồng tiền thật cho P.

Do mấy ngày trước H có hỏi mượn tiền của K nhưng không có nên khi về đến nhà H thuộc ấp VK, xã AT, huyện M, tỉnh Bến Tre, K lấy 03 tờ tiền giả mệnh giá 200.000 đồng và 01 tờ tiền giả mệnh giá 500.000 đồng đưa cho H, kêu H phụ sử dụng và nói sử dụng xong rồi trả lại tiền gốc 600.000 đồng hay 650.000 đồng tiền thật cho K cũng được. Lúc đưa tiền, K có nói cho H biết là tiền giả nhưng H vẫn đồng ý nhận.

Sau khi đưa cho H 1.100.000 đồng tiền giả, số tiền giả còn lại 1.900.000 đồng, gồm 01 tờ mệnh giá 500.000 đồng và 07 tờ mệnh giá 200.000 đồng K đi lưu hành như sau:

Lần thứ nhất: Khoảng 15 giờ cùng ngày, K điều khiển xe mô tô hiệu Wave, biển số 51Y1-0729 đến quán giải khát của bà Lê Thị M ở khu phố 5, thị trấn MC, huyện M, tỉnh Bến Tre mua 01 chai nước suối giá 5.000 đồng, K sử dụng 01 tờ tiền giả mệnh giá 200.000 đồng để trả và được bà Mười thối lại 190.000 đồng tiền thật.

Lần thứ hai: Khoảng 17 giờ 30 phút cùng ngày, K đi bộ đến tiệm tạp hóa của bà Nguyễn Thị K ở ấp VK, xã AT, huyện M, tỉnh Bến Tre, sử dụng 01 tờ tiền giả mệnh giá 500.000 đồng mua 01 gói thuốc lá giá 18.000 đồng, 01 thẻ cào điện giá 50.000 đồng và được bà Khoe thối lại 432.000 đồng tiền thật. Sau khi K đi khỏi, bà Khoe kiểm tra biết 500.000 đồng mà K đưa là tiền giả nên đem đi đốt bỏ.

Tiếp theo, đến khoảng 10 giờ ngày hôm sau, P điện thoại cho K hỏi đã tiêu thụ được tiền giả chưa, K nói đã xài được 01 tờ mệnh giá 500.000 đồng và 01 tờ mệnh giá 200.000 đồng thì P nói “có chỗ này dễ xài” và kêu K qua thành phố BT để cùng nhau đi tiêu thụ tiền giả. Khoảng 17 giờ cùng ngày, cả hai gặp nhau tại khu vực phường 5, thành phố BT, tỉnh Bến Tre. Tại đây, K đưa cho P 01 tờ tiền giả mệnh giá 200.000 đồng, P kêu K đến quán trà sữa Xíu của ông Bùi Văn S ở phường 5, thành phố BT mua 01 ly trà mạn rồi điều khiển xe đến Bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu chờ K. K vào quán mua 01 ly trà mạn giá 44.000 đồng, sử dụng 01 tờ tiền giả mệnh giá 200.000 đồng để trả và được ông Sang thối lại 156.000 đồng.

Mua trà sữa xong, K điều khiển xe mô tô biển số 51Y1-0729 đến Bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu thì gặp P. K vào gửi xe rồi lên xe mô tô nhãn hiệu Airblade, biển số 71B2-278.16 để P chở đến quán cơm tên chú Bon ở số 3D đường Đoàn Hoàng Minh, phường 6, thành phố BT, tỉnh Bến Tre do ông Trương Văn B làm chủ. Tại đây, K đưa cho P 01 tờ tiền giả mệnh giá 200.000 đồng để P vào mua 01 hộp cơm giá 35.000 đồng và được nhân viên thối lại 165.000 đồng tiền thật. Sau khi mua cơm xong, P tiếp tục điều khiển xe chở K đến gần cầu Nhà Thương thuộc khu vực phường 5, thành phố BT mua 03 bịch chè của bà Trần Thị H với giá 30.000 đồng. K đưa cho P 01 tờ tiền giả mệnh giá 200.000 đồng để P trả và được bà H thối lại 170.000 đồng, số tiền thối lại này P cất giữ. Sau đó, P tiếp tục chở K đến cửa hàng tiệm tạp hóa Hùng Oanh của bà Lê Thị Kim V ở ấp QH, xã QS, huyện CT, tỉnh Bến Tre mua 01 gói thuốc lá, 01 bật lửa giá 25.000 đồng, P lấy 01 tờ tiền giả mệnh giá 200.000 đồng mà K đưa trước đó để trả và được bà Oanh thối lại 175.000 đồng, số tiền thối lại này P cũng cất giữ. Khoảng 15 phút sau, P chở K đến quán trà sữa Ren Ren của ông Lê Quốc Sơn ở xã RP, huyện CT, tỉnh Bến Tre. Tại đây, P mua 02 ly trà sữa giá khoảng 68.000 đồng, K lấy tờ tiền giả mệnh giá 200.000 đồng trả thì bị bà Nguyễn Ngọc Nhi là nhân viên của quán phát hiện là giả nên không đồng ý nhận. K lấy tờ tiền thật 200.000 của mình trả và đưa tờ tiền giả cho P cất giữ. Sau đó, P chở K đi lấy xe mô tô và cùng đến khu vực Công viên An Hội, thành phố BT. Tại đây, K lấy tất cả tiền thật thu lợi được do K cất giữ đưa cho P và được P cho 100.000 đồng tiền thật.

Khoảng 17 giờ 30 phút ngày hôm sau, K và P tiếp tục gặp nhau ở khu vực vòng xoay phường 6, thành phố BT. K sử dụng xe mô tô nhãn hiệu Wave, biển số 51Y1-0729 chở P đến cửa hàng tạp hóa Mai Linh của bà Huỳnh Thị Lệ H ở ấp PH, xã RP, huyện CT, tỉnh Bến Tre. Tại đây, P mua 01 cái bánh bông lan giá 30.000 đồng, sử dụng tờ tiền giả mệnh giá 200.000 đồng mà P cất giữ ở quán trà sữa Ren Ren để trả và được bà Hoa thối lại 170.000 đồng tiền thật, số tiền thật này P cất giữ. Sau khi tiêu thụ thành công, K điều khiển xe chở P đi một đoạn thì dừng lại, cởi áo khoác ra, kêu P đứng đợi. K điều khiển xe mô tô quay lại cửa hàng của bà Hoa sử dụng 01 tờ tiền giả mệnh giá 200.000 đồng mua 01 gói thuốc lá, 01 bật lửa và 02 chai nước ngọt với giá khoảng 48.000 đồng và được bà Hoa thối lại 152.000 đồng, số tiền thật này K cất giữ.

Sau khi tiêu thụ hết số tiền giả, P và K thống nhất tiếp tục đặt mua của Nguyễn Mộng T 6.000.000 đồng tiền giả với giá 2.000.000 đồng tiền thật. Sau khi thoả thuận xong, T tiếp tục làm ra 6.000.000 đồng tiền giả mệnh giá 200.000 đồng rồi cất giữ tại phòng trọ của T. Do không có tiền nên khoảng 17 giờ ngày 18/7/2023, P và K đi cầm xe mô tô nhãn hiệu Wave biển số 51Y1-0729 của K tại cửa hàng cầm đồ của ông Trần Văn Vũ ở khu phố 4, phường 7, thành phố BT, tỉnh Bến Tre được số tiền 2.500.000 đồng. Sau đó, P sử dụng xe mô tô nhãn hiệu Nouvo biển số 71B1- 634.40 mượn của ông Võ Văn V là cậu ruột của P chở K đến khu nhà trọ của T để mua tiền giả. Khi đến con hẻm gần khu trọ của T, P kêu K đứng ngoài đợi còn P điều khiển xe vào khu nhà trọ tìm T. P đưa cho T 2.000.000 đồng tiền thật, T đưa P 6.000.000 đồng tiền giả mệnh giá 200.000 đồng được gói trong tờ giấy A4 và có quần băng keo bên ngoài. Giao tiền xong, T đi vào phòng trọ, P kiểm tra thấy tiền xấu nên điện thoại cho K đi lại chỗ P, nói bị lừa, tiền giả xấu, xài không được và có đưa cho K xem xấp tiền giả. Sau đó, P vào khu nhà trọ tìm gặp T lấy lại 2.000.000 đồng tiền thật, số tiền giả T không nhận lại mà nhờ P hủy giùm. P điều khiển xe chở K về đến cửa hàng xăng dầu thuộc khu vực huyện Bến Lức, tỉnh Long An, P lấy tiền giả ra đưa cho K 3.600.000 đồng, số còn lại P mang về nhà cậu ruột Võ Văn V ở ấp PH, xã TĐ, huyện G, tỉnh Bến Tre cất giấu dưới nệm giường ngủ của P. Khoảng 02 ngày sau, P mang số tiền giả này đến khu vực cầu Xẻo Môn thuộc xã TĐ, huyện G, tỉnh Bến Tre xé bỏ và vứt xuống sông. Riêng Nguyễn Nhật K, sau khi nhận 3.600.000 đồng tiền giả từ P, trên đường về đã vứt bỏ 01 tờ, số tiền còn lại mang đi cất giấu và đến ngày 25/7/2023 mang 1.600.000 đồng bán cho Dương Tuấn H nhưng T thấy tiền xấu nên không mua. K mang về cất giấu tại nhà ở ấp VK, xã AT, huyện M, tỉnh Bến Tre, sau đó mang đốt 600.000 đồng. Số tiền còn lại 2.800.000 đồng, đến ngày 15/8/2023 bị Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Bến Tre khám xét thu giữ.

Đối với Nguyễn Mộng T, sau khi bán tiền giả cho P lần thứ hai nhưng bị P chê xấu trả lại. Vào cuối tháng 7 năm 2023, T tiếp tục làm thử khoảng 02 đến 03 tờ tiền giả mệnh giá 200.000 đồng, thấy đẹp nên chủ động nhắn tin cho P nói tiền giả lần này đẹp hơn những lần trước, kêu P mua. Sau khi thống nhất với K, P đặt mua 9.000.000 đồng tiền giả với giá 3.000.000 đồng tiền thật. Hình thức và địa điểm giao dịch như hai lần trước. Sau khi được P đặt mua, T tiếp tục làm 11.000.000 đồng tiền giả, loại mệnh giá 200.000 đồng và cất giữ tại phòng trọ của T để chờ P lên lấy.

Đối với Hồ Tấn P và Nguyễn Nhật K: Sau khi đặt mua tiền giả, đến khoảng 15 giờ ngày 31/7/2023, cả hai đến cửa hàng mua bán trao đổi xe cũ của ông Nguyễn Tùng D ở khu phố 3, phường PT, thành phố BT, tỉnh Bến Tre cầm xe nhãn hiệu Wave, biển số 51-0729 của K giá 3.000.000 đồng. Sau đó, P sử dụng xe nhãn hiệu Airblade, biển số 71B2-278.16 chở K đến điểm hẹn với T. Đến nơi, K ở ngoài hẻm đợi còn P vào trong nhà trọ tìm T. Tại đây, T đưa cho P 01 cọc tiền giả được gói trong tờ giấy A4 và có quần băng keo bên ngoài, P trả T 3.000.000 đồng tiền thật. Lấy tiền xong, P điều khiển xe chở K về lại tỉnh Bến Tre. Đi được một đoạn P lấy 01 tờ tiền

mệnh giá 200.000 đồng cho K xem, nhìn đẹp hơn lần trước và đưa hết số tiền giả này cho K giữ. Khi đến khu vực chợ Bà Diễm, P kêu K lấy 01 tờ ra xé thử, sau đó K vứt tờ tiền này vào bãi rác ven đường. Khi đến khu vực đường Trường Chinh, Thành phố Hồ Chí Minh, P và K lấy số tiền giả ra đếm được 5.600.000 đồng, thấy còn thiếu so với số lượng đặt mua nên P điện thoại cho T nói thiếu tiền, T nói giao nhầm và kêu P quay lại lấy thêm. Sau đó, P quay lại gặp T nhận thêm 3.000.000 đồng tiền giả mệnh giá 200.000 đồng, số tiền này P cất giữ, còn số tiền giả 5.600.000 đồng mệnh giá 200.000 đồng K cất giữ rồi cùng nhau tiếp tục đi về tỉnh Bến Tre. Riêng T sau khi giao 8.800.000 đồng tiền giả cho P, số tiền giả còn lại 3.200.000 đồng, T cất giấu trong phòng trọ của mình, khoảng 03 ngày sau đem ra cắt nhỏ, nhúng vào nước cho bay màu rồi vứt vào thùng rác khu nhà trọ. Sau đó, do lo sợ hành vi của mình bị phát hiện nên T bỏ lại máy móc, phương tiện làm tiền giả tại phòng trọ rồi trốn về tỉnh Sóc Trăng sinh sống.

Sau khi về đến Bến Tre, P mang số tiền giả về nhà và giấu dưới nệm ngủ như lần trước. Riêng K xuống xe đi bộ một mình đến quán Mỳ Cay gần vòng xoay phường 6, thành phố BT mua 01 ly cà phê sữa giá 30.000 đồng, K sử dụng tờ tiền giả mệnh giá 200.000 đồng thanh toán và được người bán thối lại 170.000 đồng. Quá trình điều tra không tìm được người bán cho K nên không thu hồi được.

Đến khoảng 16 giờ 01/8/2023, P sử dụng xe mô tô nhãn hiệu Airblade, biển số 71B2-278.16 đến quầy bán trái cây gần khu du lịch Lan Vương thuộc xã Phú Nhuận, thành phố BT mua 30.000 đồng bơ. P dùng 01 tờ tiền giả mệnh giá 200.000 đồng để thanh toán và được người bán thối lại 170.000 đồng tiền thật. Quá trình điều tra không tìm được người bán cho P nên không thu hồi được. Số tiền giả còn lại, đến 20 giờ cùng ngày P mang đến khu vực cầu Xẻo Môn vứt bỏ.

Đến khoảng 15 giờ ngày 04/8/2023, K sử dụng xe mô tô biển số 71B4-181.10 mượn của H đến điểm bán hạt vịt lộn gần cầu Hòa Lộc, thuộc xã Hòa Lộc, huyện B, K mua 05 trứng vịt giá 30.000 đồng, sử dụng 01 tờ tiền giả mệnh giá 200.000 đồng để trả và được người bán thối lại 170.000 đồng tiền thật. Quá trình điều tra không xác định được người bán hạt vịt cho K nên không thu hồi được.

Đến khoảng 18 giờ 30 phút ngày 07/8/2023, K sử dụng xe mô tô biển số 71B4-181.10 mượn của H đến quán kem tươi Đăng Quang của ông Lê Đăng K ở ấp PQ, xã TH, huyện M, tỉnh Bến Tre mua 01 ly trà sữa giá 22.000 đồng, sử dụng 01 tờ tiền giả mệnh giá 200.000 đồng để trả và được ông Khoa thối lại 178.000 đồng.

Đến khoảng 13 giờ ngày 09/8/2023 tại nhà của K ở ấp VK, xã AT, huyện M, tỉnh Bến Tre, K bán 3.000.000 đồng tiền giả cho Dương Tuấn H với giá 2.000.000 đồng tiền thật, T chưa trả tiền mà thế chấp 01 giấy đăng ký xe mô tô.

Đến khoảng 18 giờ 30 phút ngày 13/8/2023, K nhờ H chở đến cửa hàng xe máy Tùng Duy ở khu phố 4, phường 8, thành phố BT để chuộc xe đã cầm trước đó. K lấy 02 tờ tiền giả mệnh giá 200.000 đồng kẹp vào những tờ tiền thật khác để trả cho ông Phạm Minh H. Sau khi nhận tiền của K, đến tối ông Hùng đem tiền ra kiểm tra thì

phát hiện có 02 tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng có nhiều đặc điểm khác lạ nghi là tiền giả nên ông có liên hệ với K nhưng không được. Sau đó, ông để 02 tờ tiền này cùng với những tờ tiền khác bị thất lạc nên không thu hồi được.

Đến khoảng 18 giờ ngày 15/8/2023, khi K đang thoả thuận bán cho Dương Tuấn H 1.600.000 đồng tiền giả, mệnh giá 200.000 đồng với giá 700.000 đồng tiền thật tại quán Khải Coffee thuộc ấp An Vĩnh 2, xã Đa Phước Hội, huyện M, tỉnh Bến Tre thì bị Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Bến Tre bắt quả tang.

- Đối với hành của Nguyễn Trung H:

Sau khi nhận 1.100.000 đồng tiền giả từ K, khoảng 03 ngày sau vào lúc chiều tối, H điều khiển xe mô tô biển số 71B4-181.10 đến cửa hàng tạp hóa của chị Trương Thị Thúy K ở ấp HT, xã TH, huyện M, tỉnh Bến Tre mua 01 thẻ cào điện thoại trị giá 50.000 đồng mạng Viettel, H đưa 01 tờ tiền giả mệnh giá 200.000 đồng để trả và được chị Kiều thối lại 150.000 đồng tiền thật. Sau khi tiêu thụ thành công, H liên tiếp đến cửa hàng của chị Kiều lưu hành 400.000 đồng tiền giả. Mỗi lần H dùng 01 tờ tiền giả mệnh giá 200.000 đồng mua 01 thẻ cào điện thoại trị giá 50.000 đồng mạng Viettel và được chị Kiều thối lại 150.000 đồng tiền thật. Sau đó, H điều khiển xe mô tô biển số 71B4-181.10 đến gần khu vực Bệnh viện Cù Lao Minh thuộc xã TH, huyện M, tỉnh Bến Tre mua khoảng 02 kg chôm chôm của một người nam bán dạo giá 50.000 đồng, H sử dụng 01 tờ tiền giả mệnh giá 500.000 đồng để thanh toán và được người bán thối lại 450.000 đồng tiền thật. Quá trình điều tra, không xác định được người bán trái cây cho H nên không thu hồi được.

Ngoài ra, sau khi lưu hành thành công 1.100.000 đồng. Ngày 05/8/2023, K qua nhà H ở ấp VK, xã AT, huyện M, tỉnh Bến Tre chơi. Tại đây, K nhờ H phụ tiêu thụ tiền giả với K rồi đưa lại cho K tiền thật bao nhiêu cũng được, H đồng ý. K lấy 06 tờ tiền giả mệnh giá 200.000 đồng từ trong người ra để trên bàn, do không dám mang đi tiêu thụ nên H cất giữ tại nhà của mình. Đến ngày 15/8/2023, K đến nhà H chơi, hỏi H có sử dụng tiền giả được chưa, H nói sợ bị phát hiện, bị bắt nên không dám sử dụng rồi lấy 06 tờ tiền giả mệnh giá 200.000 đồng trả lại cho K.

- Đối với hành vi của Dương Tuấn H:

Vào ngày 25/7/2023, tài khoản Facebook tên “Nguyễn Nhật K” nhắn tin vào tài khoản Facebook “Bé Tuấn” của Dương Tuấn H qua ứng dụng messenger có nội dung “Tiền ít đổi tiền giả ko e” nên T nhắn lại “giá sao”, K trả lời “1 đổi 2.5”. T hỏi nghĩa là sao, K giải thích đổi 1.000.000 đồng tiền thật lấy 2.500.000 đồng hoặc 3.000.000 đồng tiền giả tùy theo chất lượng. Đồng thời, K gửi hình ảnh mệnh giá 200.000 đồng tiền giả cho T xem. Sau khi thoả thuận qua lại, T đồng ý mua 500.000 đồng tiền thật lấy 1.600.000 đồng tiền giả mệnh giá 200.000 đồng, hẹn chiều cùng ngày giao tiền tại hẻm sát vách Trường Trung học phổ thông Ca Văn Thỉnh thuộc huyện M, tỉnh Bến Tre.

Khoảng hơn 22 giờ cùng ngày, T sử dụng xe mô tô nhãn hiệu Darling, biển số 51X2-6740 của mình đi một mình đến điểm hẹn để lấy tiền giả. Khi đến nơi, K lấy

từ trong túi quần ra một xấp tiền quần trong túi nylon trong suốt đưa cho T xem, T mở túi ra kiểm tra thấy nhiều tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng xấu nên không đồng ý mua và bỏ ra về.

Đến ngày 06/8/2023, K và T tiếp tục nhắn tin trao đổi việc mua bán tiền giả. Sau khi thỏa thuận, T đồng ý mua 3.000.000 đồng tiền giả giá 2.000.000 đồng tiền thật, hẹn giao tiền khoảng ngày 09/8/2023 gần quán ăn Làng Nghề ở ngã tư Hội An, thuộc thị trấn MC, huyện M, tỉnh Bến Tre. Đến khoảng 13 giờ ngày 09/8/2023 theo hướng dẫn của K, T đến nhà của K ở ấp VK, xã AT, huyện M, tỉnh Bến Tre để mua tiền giả. Khi gặp nhau, K giao cho T 2.000.000 đồng tiền giả, T giao 01 giấy đăng ký mô tô, xe máy số A 1787925, chủ xe Phan Văn Hoàng, biển số 51X2-6740 cho K thì K tiếp tục đưa thêm 1.000.000 đồng tiền giả. Sau khi mua tiền giả của K, T không mang đi tiêu thụ mà cất giấu trong túi đeo và mang theo bên người. Chiều ngày 12/8/2023, T dùng kéo cắt 600.000 đồng tiền giả ra làm hai rồi lấy xăng rưới lên đốt bỏ. Số tiền giả còn lại 2.400.000 đồng đến ngày 14/8/2023 T mang đến Công an xã AD, huyện M, tỉnh Bến Tre giao nộp.

Vật chứng, tài liệu, đồ vật thu giữ trong vụ án gồm:

- Thu giữ của Nguyễn Nhật K:

+ Khi bắt quả tang: 03 tờ tiền Việt Nam mệnh giá 200.000 đồng có cùng số seri: BA 21899279; 05 tờ tiền Việt Nam mệnh giá 200.000 đồng có cùng số seri: UY 19584823; 01 cái bóp da màu nâu có in chữ “GUCCI”; 01 căn cước công dân số 083200003489 mang tên Nguyễn Nhật K, sinh ngày 15/7/2000; 01 giấy đăng ký mô tô, xe máy số A 1787925, chủ xe Phan Văn Hoàng biển số 51X2-6740 cấp ngày 11/01/2002; 01 giấy bán xe của cửa hàng xe máy Minh Tuấn, ghi ngày 17/7/2023, bán xe biển số 51Y1-0729; 01 điện thoại di động hiệu SAMSUNG A7 vỏ màu vàng, số seri R58JB21NTLK, đã qua sử dụng, kèm theo 01 sim Viettel số 0352.808.326; 01 xe mô tô hiệu Honda Wave, biển số 51Y1-0729; 01 giấy đăng ký mô tô, xe máy số A 1693052, chủ xe Nguyễn Hữu Kiệt biển số 51Y1-0729 cấp ngày 29/10/2001.

+ Thu giữ khi khám xét khẩn cấp: 06 tờ tiền Việt Nam mệnh giá 200.000 đồng có cùng số seri: NE 19964397; 04 tờ tiền Việt Nam mệnh giá 200.000 đồng có cùng số seri: RO 19265010; 04 tờ tiền Việt Nam mệnh giá 200.000 đồng có cùng số seri: YO 19417190.

- Thu giữ của Hồ Tấn P: 01 điện thoại di động hiệu Samsung, đã qua sử dụng có số IMEI 1: 359933099516089, số IMEI 2: 359934099516087 kèm theo 02 sim điện thoại số 0327046388, 0338467973.

- Dương Tuấn H giao nộp: 06 tờ tiền Việt Nam mệnh giá 200.000 đồng có cùng số seri BA 21899279; 06 tờ tiền Việt Nam mệnh giá 200.000 đồng có cùng số seri UY 19584823; 01 điện thoại di động hiệu Redmi, có số IMEI1: 866583047265929; IMEI2: 866583047785926, kèm theo 01 sim số 0585837574; 01 túi đeo nhựa, màu đen, kích thước dài 25cm, ngang 15cm, rộng 05cm.

- Nguyễn Trung H giao nộp: 01 xe mô tô hiệu Wave, màu đỏ - đen - bạc, biển số 71B4-181.10; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 236946 mang tên Nguyễn Trung H biển số đăng ký 71B4-181.10.

- Bà Lư Lệ Hằng là quản lý nhà trọ số 64/7 Nguyễn Thị Sóc, ấp Bắc Lân, xã Bà Diễm, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh giao nộp: 01 máy ép nhựa hiệu SPEED ALONG, có mã số RCEPB2022Y02478; 01 dao rọc giấy, cán nhựa màu đỏ - đen; 01 sấp giấy trắng khổ A4; 01 máy photo màu hiệu CANON MX357, có mã số CCAB09LP0890T8; 04 bình mực hiệu DYE INK, màu vàng - đen - lục lam - đỏ; 02 cuộn nhựa dẻo trong suốt.

- Anh Nguyễn Tùng D giao nộp: 01 xe mô tô hiệu AIRBLEDE, biển số đăng ký 71B2-278.16; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 001742 mang tên Hồ Tấn P, biển số đăng ký 71B2-278.16.

- Anh Bùi Văn S giao nộp: 01 tờ tiền Việt Nam mệnh giá 200.000 đồng có số seri ML14040156.

- Đối với xe mô tô nhãn hiệu Darling, màu xanh, biển số 51X2-6740 của Dương Tuấn H và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J7 của Nguyễn Mộng T bị mất nên không thu hồi được.

Tại Bản kết luận giám định số: 636/2023/KL-KTHS ngày 17/8/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bến Tre kết luận:

- 22 (hai mươi hai) tờ tiền Việt Nam mệnh giá 200.000 đồng, gồm các số seri: BA 21899279 (03 tờ), UY 19584823 (05 tờ); NE 19964397 (06 tờ), RO 19265010 (04 tờ), YO 19417190 (04 tờ), thu giữ của bị cáo Nguyễn Nhật K là tiền giả và được in bằng phương pháp in phun màu.

- 12 (mười hai) tờ tiền Việt Nam mệnh giá 200.000 đồng, gồm các số seri: BA 21899279 (06 tờ), UY 19584823 (06 tờ), thu giữ của bị cáo Dương Tuấn H là tiền giả và được in bằng phương pháp in phun màu.

Tại Bản kết luận giám định số: 876/2023/KL-KTHS ngày 22/11/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bến Tre kết luận: 01 (một) tờ tiền Việt Nam mệnh giá 200.000 đồng, có số seri ML 14040156, thu giữ của anh Bùi Văn S là tiền giả và được in bằng phương pháp in phun màu.

Các bị cáo Nguyễn Mộng T, Hồ Tấn P, Nguyễn Nhật K, Nguyễn Trung H và Dương Tuấn H đồng ý với các kết luận giám định và không có yêu cầu khác.

Tại Cáo trạng số: 24/CT-VKSBT-P1 ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre để xét xử đối với bị cáo Nguyễn Mộng T về “Tội làm, tàng trữ, lưu hành tiền giả” quy định tại khoản 2 Điều 207; các bị cáo Nguyễn Nhật K và Hồ Tấn P về “Tội tàng trữ, lưu hành tiền giả” quy định tại khoản 2 Điều 207; bị cáo Nguyễn Trung H về “Tội tàng trữ, lưu hành tiền giả” quy định tại khoản 1 Điều 207; bị cáo Dương Tuấn H về

“Tội tàng trữ tiền giả” quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) (sau đây gọi tắt là Bộ luật Hình sự).

Tại phiên tòa:

Các bị cáo Nguyễn Mộng T, Hồ Tấn P, Nguyễn Nhật K, Nguyễn Trung H và Dương Tuấn H giữ nguyên lời khai như trong quá trình điều tra, truy tố và thừa nhận hành vi phạm tội đã thực hiện theo nội dung bản cáo trạng, tại phiên tòa các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Kiều T, chị Trần Thị K giữ nguyên lời khai như trong quá trình điều tra và không yêu cầu các bị cáo trả lại số tiền đã nộp thay các bị cáo (tiền các bị cáo thu lợi bất chính). Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Võ Văn V, bà Nguyễn Thị K, ông Trương Văn B và bà Huỳnh Thị Lệ H giữ nguyên lời khai như trong quá trình điều tra và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Bùi Văn S, bà Lê Thị M, chị Võ Thị H, bà Trần Thị H, chị Lê Thị Kim V, anh Lê Đăng K, anh Phạm Minh H, chị Trương Thị Thúy K và anh Nguyễn Tùng D vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về vụ án, cho rằng: Việc truy tố hành vi của các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật nên bảo lưu toàn bộ nội dung cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về trách nhiệm hình sự và hình phạt chính:

- + Tuyên bố bị cáo Nguyễn Mộng T phạm “Tội làm, tàng trữ, lưu hành tiền giả”.

Áp dụng khoản 2 Điều 207; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Mộng T từ 07 (bảy) năm đến 08 (tám) năm tù.

- + Tuyên bố bị cáo Hồ Tấn P phạm “Tội tàng trữ, lưu hành tiền giả”.

Áp dụng khoản 2 Điều 207; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Hồ Tấn P từ 06 (sáu) năm đến 06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng tù.

- + Tuyên bố bị cáo Nguyễn Nhật K phạm “Tội tàng trữ, lưu hành tiền giả”.

Áp dụng khoản 2 Điều 207; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Nhật K từ 05 (năm) năm đến 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù.

- + Tuyên bố bị cáo Nguyễn Trung H phạm “Tội tàng trữ, lưu hành tiền giả”.

Áp dụng khoản 1 Điều 207; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Trung H từ 04 (bốn) năm đến 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù.

- + Tuyên bố bị cáo Dương Tuấn H phạm “Tội tàng trữ tiền giả”.

Áp dụng khoản 1 Điều 207; điểm r, s, t khoản 1 Điều 51; Điều 54 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Dương Tuấn H từ 01 (một) năm đến 02 (hai) năm tù.

- Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.
- Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự; các điều 117, 122, 131, 309 và 311 của Bộ luật Dân sự:

Buộc bị cáo Hồ Tấn P có nghĩa vụ trả cho anh Nguyễn Tùng D số tiền 10.900.000 đồng, gồm: tiền cầm xe 10.000.000 đồng và tiền lãi 900.000 đồng.

Anh Phạm Minh H, anh Bùi Văn S, bà Lê Thị M, ông Trương Văn B, chị Lê Thị Kim V, bà Huỳnh Thị Lệ H, bà Trần Thị H, bà Nguyễn Thị K, anh Lê Đăng K và chị Trương Thị Thúy K không yêu cầu các bị cáo bồi thường giá trị hàng hóa đã bán và tiền thối cho các bị cáo nên ghi nhận.

Chị Nguyễn Thị Kiều T đã thay bị cáo Nguyễn Mộng T nộp số tiền bị cáo thu lợi bất chính là 4.000.000 đồng, chị Võ Thị H đã thay bị cáo Hồ Tấn P nộp số tiền 3.000.000 đồng và chị Trần Thị K đã thay bị cáo Nguyễn Nhật K nộp số tiền 2.000.000 đồng. Chị Thiên, chị Hoa và chị Khuyên không yêu cầu các bị cáo có nghĩa vụ trả lại số tiền trên nên ghi nhận.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 9 Nghị định số: 87/2023/NĐ-CP ngày 08/12/2023 của Chính phủ quy định về phòng, chống tiền giả và bảo vệ tiền Việt Nam:

Ghi nhận Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Bến Tre trả lại cho bị cáo Nguyễn Nhật K: 01 (một) cái bóp da màu nâu có in chữ “GUCCI”; 01 (một) căn cước công dân số 083200003489 mang tên Nguyễn Nhật K, sinh ngày 15/7/2000; 01 (một) giấy bán xe của cửa hàng xe máy Minh Tuấn, ghi ngày 17/7/2023, bán xe biển số 51Y1-0729.

Tịch thu tiêu hủy: 35 (ba mươi lăm) tờ tiền giả tiền Việt Nam gồm: 03 (ba) tờ mệnh giá 200.000 đồng có cùng số seri: BA 21899279; 05 (năm) tờ mệnh giá 200.000 đồng có cùng số seri: UY 19584823; 06 (sáu) tờ mệnh giá 200.000 đồng có cùng số seri: NE 19964397; 04 (bốn) tờ mệnh giá 200.000 đồng có cùng số seri: RO 19265010; 04 (bốn) tờ mệnh giá 200.000 đồng có cùng số seri: YO 19417190; 06 (sáu) tờ mệnh giá 200.000 đồng có cùng số seri BA 21899279; 06 (sáu) tờ mệnh giá 200.000 đồng có cùng số seri UY 19584823; 01 (một) tờ mệnh giá 200.000 đồng có số seri ML14040156; 01 (một) túi đeo nhựa, màu đen, kích thước dài 25cm, ngang 15cm, rộng 05cm; 01 (một) dao rọc giấy, cán nhựa màu đỏ - đen; 01 (một) sấp giấy trắng khổ A4; 04 (bốn) bình mực hiệu DYE INK, màu vàng - đen - lục lam - đỏ; 02 (hai) cuộn nhựa dẻo trong suốt.

Tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước: Tiền Việt Nam: 7.198.000 đồng (tiền các bị cáo thu lợi bất chính); 01 (một) điện thoại di động hiệu SAMSUNG A7 vỏ

màu vàng, số seri R58JB21NTLK, đã qua sử dụng, kèm theo 01 sim Viettel số 0352.808.326; 01 (một) xe mô tô hiệu Honda Wave, biển số 51Y1-0729; 01 giấy đăng ký mô tô, xe máy số A 1693052, chủ xe Nguyễn Hữu Kiệt biển số 51Y1-0729 cấp ngày 29/10/2001; 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung, đã qua sử dụng có số IMEI 1: 359933099516089, số IMEI 2: 359934099516087 kèm theo 02 sim điện thoại số 0327046388, 0338467973; 01 (một) điện thoại di động hiệu Redmi, có số IMEI1: 866583047265929; IMEI2: 866583047785926, kèm theo 01 sim số 0585837574; 01 (một) xe mô tô hiệu Wave, biển số 71B4-181.10, màu đỏ - đen - bạc; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 236946 mang tên Nguyễn Trung H, biển số đăng ký 71B4-181.10; 01 (một) máy ép nhựa hiệu SPEED ALONG, có mã số RCEPB2022Y02478; 01 máy photo màu hiệu CANON MX357, có mã số CCAB09LP0890T8; 01 (một) xe mô tô hiệu AIRBLEDE, biển số đăng ký 71B2-278.16; 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 001742 mang tên Hồ Tấn P, biển số đăng ký 71B2-278.16.

Trả cho bị cáo Dương Tuấn H: 01 (một) giấy đăng ký mô tô, xe máy số A 1787925, chủ xe Phan Văn Hoàng biển số 51X2-6740 cấp ngày 11/01/2002.

Trả cho bị cáo Nguyễn Trung H số tiền 150.000 đồng.

Trả cho chị Võ Thị H số tiền 1.942.000 đồng.

Trả cho chị Trần Thị K số tiền 210.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Bến Tre, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Võ Văn V, bà Nguyễn Thị K, ông Trương Văn B, bà Huỳnh Thị Lệ H, anh Bùi Văn S, bà Lê Thị M, chị Võ Thị H, bà Trần Thị H, chị Lê Thị Kim V, anh Lê Đăng K, anh Phạm Minh H, chị Trương Thị Thúy K và anh Nguyễn Tùng D vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm. Xét thấy, các đương sự nêu trên đã có lời khai cụ thể, rõ ràng tại cơ quan điều tra và việc vắng mặt của họ không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử tiến hành

xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên nêu trên là phù hợp với quy định tại Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Các bị cáo Nguyễn Mộng T, Hồ Tấn P, Nguyễn Nhật K, Nguyễn Trung H và Dương Tuấn H thừa nhận hành vi phạm tội, lời khai của các bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được tranh tụng tại phiên tòa. Do đó, có đủ căn cứ để xác định:

Trong khoảng thời gian từ đầu tháng 7/2023 đến ngày 15/8/2023, Nguyễn Mộng T đã nhiều lần làm tiền giả tại phòng trọ số 64/7 Nguyễn Thị Sóc, ấp Bắc Lân, xã Bà Điểm, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh với tổng số tiền giả 21.000.000 đồng. Nguyễn Mộng T cất giữ tại phòng trọ sau đó 03 lần bán cho Hồ Tấn P và Nguyễn Nhật K tổng số tiền 17.800.000 đồng, số tiền giả còn lại 3.200.000 đồng T cất giữ sau đó tiêu hủy.

Sau khi mua được tiền giả, Hồ Tấn P và Nguyễn Nhật K chia nhau giữ để đi lưu hành. Hồ Tấn P giữ 5.600.000 đồng, đã lưu hành 01 lần được 200.000 đồng. Số tiền giả còn lại P tự tiêu hủy.

Nguyễn Nhật K nhận từ Hồ Tấn P 12.200.000 đồng tiền giả, đã đưa cho Nguyễn Trung H 2.300.000 đồng, cùng với P lưu hành 06 lần được 1.200.000 đồng, tự mình lưu hành 07 lần được 4.700.000 đồng. Số tiền giả còn lại bị Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Bến Tre thu giữ.

Nguyễn Trung H 02 lần nhận từ Nguyễn Nhật K 2.300.000 đồng tiền giả, H lưu hành 04 lần được 1.100.000 đồng, số còn lại 1.200.000 đồng H cất giữ sau đó trả lại cho K.

Dương Tuấn H 01 lần mua 3.000.000 đồng tiền giả từ Nguyễn Nhật K mang về nhà cất giữ. Sau đó, T đem đốt 600.000 đồng, số còn lại 2.400.000 đồng mang đến Công an xã AD, huyện M, tỉnh Bến Tre giao nộp.

Tổng số tiền các bị cáo thu lợi bất chính là 7.198.000 đồng (Bảy triệu một trăm chín mươi tám nghìn đồng).

Các bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự và đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự. Các bị cáo là những thanh niên trẻ và có học thức, xuất phát từ động cơ tư lợi cá nhân, muốn có tiền tiêu xài một cách dễ dàng mà không phải qua lao động chân chính nên đã thực hiện hành vi phạm tội; riêng đối với bị cáo T thực hiện hành vi phạm tội nhằm mục đích tò mò, thỏa mãn nhu cầu cá nhân. Các bị cáo nhận thức rõ hành vi của mình là sai trái nhưng vẫn cố ý thực hiện. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo Nguyễn Mộng T phạm “Tội làm, tàng trữ, lưu hành tiền giả”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 2 Điều 207; các bị cáo Hồ Tấn P, Nguyễn Nhật K phạm “Tội tàng trữ, lưu hành tiền giả”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 2 Điều 207; bị cáo Nguyễn Trung H phạm “Tội tàng trữ, lưu

hành tiền giả”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 207 và bị cáo Dương Tuấn H phạm “Tội tàng trữ tiền giả”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật Hình sự. Vì vậy, Cáo trạng số: 24/CT-VKSBT-P1 ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre truy tố hành vi phạm tội của các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật nên được chấp nhận.

Đối với anh Võ Văn V là chủ sở hữu xe mô tô hiệu Nouvo, biển số 71-B1 634.40 có cho bị cáo Hồ Tấn P mượn xe nhưng không biết bị cáo P dùng làm phương tiện phạm tội nên không xem xét truy cứu trách nhiệm.

[4] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm, đã trực tiếp xâm phạm đến hoạt động quản lý tài chính, tiền tệ của Nhà nước, gây tác hại lớn đến việc lưu thông tiền tệ trong thị trường, gây tâm lý hoang mang và bức xúc trong quần chúng nhân dân nhất là trong thời điểm tình hình kinh tế đang gặp khó khăn, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình an ninh trật tự của địa phương. Vì vậy, hành vi phạm tội của các bị cáo cần phải xem xét xử lý nghiêm mới đủ sức răn đe, giáo dục các bị cáo, đồng thời thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật và tạo tác dụng răn đe, phòng ngừa tội phạm.

[5] Trong lượng hình Hội đồng xét xử xem xét về vai trò, nhân thân, các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo, cụ thể:

[5.1] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Dương Tuấn H phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Các bị cáo Nguyễn Mộng T, Hồ Tấn P, Nguyễn Nhật K và Nguyễn Trung H phạm tội 02 lần trở lên nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5.2] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Đối với các bị cáo T, K: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải - đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51. Bên cạnh đó, người thân của các bị cáo tự nguyện nộp tiền để khắc phục hậu quả, các bị cáo phạm tội lần đầu - đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

- Đối với bị cáo P: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải - đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51. Bên cạnh đó, người thân của bị cáo tự nguyện nộp tiền để khắc phục hậu quả, bị cáo phạm tội lần đầu và có con còn nhỏ - đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

- Đối với bị cáo H: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải - đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy

định tại điểm s khoản 1 Điều 51. Bên cạnh đó, bị cáo tự nguyện nộp tiền để khắc phục hậu quả, phạm tội lần đầu, đang bị bệnh tim, mồ côi cha mẹ và không có anh, chị, em ruột - đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

- Đối với bị cáo T: Bị cáo đã tự thú về hành vi phạm tội của mình; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm hoặc trong quá trình giải quyết vụ án - đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm r, s, t khoản 1 Điều 51. Do bị cáo có ba tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 nên xem xét áp dụng khoản 3 Điều 54 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

[5.3] Về vai trò:

- Đối với bị cáo T: Bị cáo là người khởi xướng, chủ động trực tiếp mua dụng cụ và làm ra tiền giả, cất giấu và trực tiếp bán tiền giả với tổng giá trị tiền giả là 21.000.000 đồng và thu lợi bất chính số tiền 4.000.000 đồng. Do đó, trong lượng hình Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng mức hình phạt nghiêm đối với bị cáo.

- Đối với bị cáo P: Bị cáo phạm tội với vai trò đồng phạm với các bị cáo K, H nhưng thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, bị cáo là người rủ rê đồng thời cũng là người thực hành. Bị cáo trực tiếp mua 17.800.000 đồng tiền giả từ bị cáo T, sau đó đưa cho bị cáo K 12.200.000 đồng tiền giả, cùng bị cáo K và tự mình lưu hành tiền giả, số tiền thu lợi bất chính là 1.058.000 đồng.

- Đối với bị cáo K: Bị cáo phạm tội với vai trò là người giúp sức, thực hành tích cực với bị cáo P, trực tiếp nhận 12.200.000 đồng tiền giả từ bị cáo P. Đồng thời, bị cáo cũng là người rủ rê, xúi giục bị cáo H thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo cùng bị cáo P và tự mình lưu hành tiền giả, số tiền thu lợi bất chính là 1.790.000 đồng.

- Đối với bị cáo H: Bị cáo phạm tội với vai trò là người giúp sức, thực hành. Bị cáo trực tiếp nhận 2.300.000 đồng tiền giả từ bị cáo K. Bị cáo trực tiếp lưu hành tiền giả và số tiền thu lợi bất chính là 350.000 đồng.

- Đối với bị cáo T: Bị cáo mua và trực tiếp nhận 3.000.000 đồng tiền giả từ bị cáo K, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nhằm mục đích tò mò, thỏa mãn nhu cầu cá nhân không vì mục đích tư lợi, thu lợi bất chính.

[5.4] Về nhân thân:

Khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng. Riêng đối với bị cáo T, trong giai đoạn điều tra bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú nhưng bị cáo đã vi phạm nghĩa vụ cam đoan, không chấp hành tốt các nghĩa vụ theo quy định.

Căn cứ vào tính chất, mức độ hậu quả do hành vi phạm tội gây ra. Hội đồng xét xử quyết định cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định mới đủ sức cải tạo, giáo dục các bị cáo.

[6] Về hình phạt bổ sung:

Theo quy định tại khoản 5 Điều 207 của Bộ luật Hình sự: “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”. Qua xem xét về nhân thân, điều kiện và hoàn cảnh sống của các bị cáo, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Anh Phạm Minh H, anh Bùi Văn S, bà Lê Thị M, ông Trương Văn B, chị Lê Thị Kim V, bà Huỳnh Thị Lệ H, bà Trần Thị H, bà Nguyễn Thị K, anh Lê Đăng K và chị Trương Thị Thúy K không yêu cầu các bị cáo bồi thường giá trị hàng hóa đã bán và tiền thối cho các bị cáo nên ghi nhận.

Chị Nguyễn Thị Kiều T đã thay bị cáo Nguyễn Mộng T nộp số tiền bị cáo thu lợi bất chính là 4.000.000 đồng, chị Võ Thị H đã thay bị cáo Hồ Tấn P nộp số tiền 3.000.000 đồng và chị Trần Thị K đã thay bị cáo Nguyễn Nhật K nộp số tiền 2.000.000 đồng. Chị Thiên, chị Hoa và chị Khuyên không yêu cầu các bị cáo có nghĩa vụ trả lại số tiền trên nên ghi nhận.

Anh Nguyễn Tùng D yêu cầu bị cáo Hồ Tấn P trả số tiền 10.900.000 đồng, gồm: tiền cầm xe là 10.000.000 đồng và tiền lãi là 900.000 đồng. Bị cáo P đồng ý với yêu cầu của anh Duy nên buộc bị cáo P có nghĩa vụ trả cho anh Duy số tiền 10.900.000 đồng.

[8] Về xử lý vật chứng:

Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Bến Tre trả lại cho bị cáo Nguyễn Nhật K: 01 (một) cái bóp da màu nâu có in chữ “GUCCI”; 01 (một) căn cước công dân số 083200003489 mang tên Nguyễn Nhật K, sinh ngày 15/7/2000; 01 (một) giấy bán xe của cửa hàng xe máy Minh Tuấn, ghi ngày 17/7/2023, bán xe biển số 51Y1-0729 theo Quyết định xử lý tài sản, đồ vật, tài liệu số: 12/QĐ-ANĐT ngày 17 tháng 01 năm 2024. Xét thấy, việc trao trả vật chứng của Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Bến Tre là phù hợp theo quy định tại Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự nên ghi nhận.

Đối với 35 (ba mươi lăm) tờ tiền Việt Nam gồm: 03 (ba) tờ mệnh giá 200.000 đồng có cùng số seri: BA 21899279; 05 (năm) tờ mệnh giá 200.000 đồng có cùng số seri: UY 19584823; 06 (sáu) tờ mệnh giá 200.000 đồng có cùng số seri: NE 19964397; 04 (bốn) tờ mệnh giá 200.000 đồng có cùng số seri: RO 19265010; 04 (bốn) tờ mệnh giá 200.000 đồng có cùng số seri: YO 19417190; 06 (sáu) tờ mệnh giá 200.000 đồng có cùng số seri BA 21899279; 06 (sáu) tờ mệnh giá 200.000 đồng có

cùng số seri UY 19584823; 01 (một) tờ mệnh giá 200.000 đồng có số seri ML14040156 là tiền giả, vật cầm lưu hành nên tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 (một) túi đeo nhựa, màu đen, kích thước dài 25cm, ngang 15cm, rộng 05cm hiện không còn giá trị sử dụng; 01 (một) dao rọc giấy, cán nhựa màu đỏ - đen; 01 (một) sấp giấy trắng khổ A4; 04 (bốn) bình mực hiệu DYE INK, màu vàng - đen - lục lam - đỏ; 02 (hai) cuộn nhựa dẻo trong suốt thuộc sở hữu của bị cáo T và là công cụ bị cáo sử dụng để làm tiền giả nên tịch thu tiêu hủy.

Đối với tiền Việt Nam: 7.198.000 đồng là số tiền các bị cáo thu lợi bất chính nên tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước.

Đối với 01 (một) điện thoại di động hiệu SAMSUNG A7 vỏ màu vàng, số seri R58JB21NTLK, đã qua sử dụng, kèm theo 01 sim Viettel số 0352.808.326 và 01 (một) xe mô tô hiệu Honda Wave biển số 51Y1-0729; 01 giấy đăng ký mô tô, xe máy số A 1693052, chủ xe Nguyễn Hữu Kiệt biển số 51Y1-0729 cấp ngày 29/10/2001 thuộc sở hữu của bị cáo K và là phương tiện phạm tội nên tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước.

Đối với 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung, đã qua sử dụng có số IMEI 1: 359933099516089, số IMEI 2: 359934099516087 kèm theo 02 sim điện thoại số 0327046388, 0338467973; 01 (một) xe mô tô hiệu AIRBLEDE, biển số đăng ký 71B2-278.16; 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 001742 mang tên Hồ Tấn P, biển số đăng ký 71B2-278.16 thuộc sở hữu của bị cáo P và là phương tiện phạm tội nên tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước.

Đối với 01 (một) điện thoại di động hiệu Redmi, có số IMEI1: 866583047265929; IMEI2: 866583047785926, kèm theo 01 sim số 0585837574 thuộc sở hữu của bị cáo T và là phương tiện phạm tội nên tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước.

Đối với 01 (một) xe mô tô hiệu Wave, màu đỏ - đen - bạc, biển số 71B4-181.10; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 236946, mang tên Nguyễn Trung H biển số đăng ký 71B4-181.10 thuộc sở hữu của bị cáo H và là phương tiện phạm tội nên tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước.

Đối với 01 (một) máy ép nhựa hiệu SPEED ALONG, có mã số RCEPB2022Y02478; 01 máy photo màu hiệu CANON MX357, có mã số CCAB09LP0890T8 thuộc sở hữu của bị cáo T và là công cụ bị cáo sử dụng để làm tiền giả nên tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước.

Đối với 01 (một) giấy đăng ký mô tô, xe máy số A 1787925, chủ xe Phan Văn Hoàng biển số 51X2-6740 cấp ngày 11/01/2002, bị cáo T cầm cố cho bị cáo K. Xét thấy, giấy tờ nêu trên không liên quan đến tội phạm nên xem xét trả lại cho bị cáo.

Bị cáo Nguyễn Trung H nộp số tiền 500.000 đồng, sau khi trừ số tiền bị cáo thu lợi bất chính là 350.000 đồng, số tiền chênh lệch 150.000 đồng xem xét trả lại cho bị cáo.

Chị Võ Thị H đã thay bị cáo Hồ Tấn P nộp số tiền 3.000.000 đồng, sau khi trừ số tiền bị cáo P thu lợi bất chính là 1.058.000 đồng, số tiền chênh lệch 1.942.000 đồng xem xét trả lại cho chị Hoa.

Chị Trần Thị K đã thay bị cáo Nguyễn Nhật K nộp số tiền 2.000.000 đồng, sau khi trừ số tiền bị cáo K thu lợi bất chính là 1.790.000 đồng, số tiền chênh lệch 210.000 đồng xem xét trả lại cho chị Khuyên.

[9] Xét luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[10] Về án phí sơ thẩm:

Các bị cáo Nguyễn Mộng T, Nguyễn Nhật K, Nguyễn Trung H và Dương Tuấn H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Bị cáo Hồ Tấn P phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Về trách nhiệm hình sự:

[1.1] Tuyên bố bị cáo Nguyễn Mộng T phạm “Tội làm, tàng trữ, lưu hành tiền giả”.

Áp dụng khoản 2 Điều 207; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Mộng T 07 (bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 28/10/2023.

[1.2] Tuyên bố bị cáo Hồ Tấn P phạm “Tội tàng trữ, lưu hành tiền giả”.

Áp dụng khoản 2 Điều 207; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Hồ Tấn P 06 (sáu) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 30/10/2023.

[1.3] Tuyên bố bị cáo Nguyễn Nhật K phạm “Tội tàng trữ, lưu hành tiền giả”.

Áp dụng khoản 2 Điều 207; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Nhật K 05 (năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 16/8/2023.

[1.4] Tuyên bố bị cáo Nguyễn Trung H phạm “Tội tàng trữ, lưu hành tiền giả”.

Áp dụng khoản 1 Điều 207; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Trung H 04 (bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù.

[1.5] Tuyên bố bị cáo Dương Tuấn H phạm “Tội tàng trữ tiền giả”.

Áp dụng khoản 1 Điều 207; điểm r, s, t khoản 1 Điều 51; khoản 3 Điều 54 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Dương Tuấn H 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 06/11/2023.

[2] Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự; các điều 309 và 311 của Bộ luật Dân sự:

Buộc bị cáo Hồ Tấn P có nghĩa vụ trả cho anh Nguyễn Tùng D số tiền 10.900.000 đồng (Mười triệu chín trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

[3] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị định số: 87/2023/NĐ-CP ngày 08/12/2023 của Chính phủ quy định về phòng, chống tiền giả và bảo vệ tiền Việt Nam:

Tịch thu tiêu hủy: 35 (ba mươi lăm) tờ tiền giả tiền Việt Nam gồm: 03 (ba) tờ mệnh giá 200.000 đồng có cùng số seri: BA 21899279; 05 (năm) tờ mệnh giá 200.000 đồng có cùng số seri: UY 19584823; 06 (sáu) tờ mệnh giá 200.000 đồng có cùng số seri: NE 19964397; 04 (bốn) tờ mệnh giá 200.000 đồng có cùng số seri: RO 19265010; 04 (bốn) tờ mệnh giá 200.000 đồng có cùng số seri: YO 19417190; 06 (sáu) tờ mệnh giá 200.000 đồng có cùng số seri BA 21899279; 06 (sáu) tờ mệnh giá 200.000 đồng có cùng số seri UY 19584823; 01 (một) tờ mệnh giá 200.000 đồng có số seri ML14040156; 01 (một) túi đeo nhựa, màu đen, kích thước dài 25cm, ngang 15cm, rộng 05cm; 01 (một) dao rọc giấy, cán nhựa màu đỏ - đen; 01 (một) sấp giấy trắng khổ A4; 04 (bốn) bình mực hiệu DYE INK, màu vàng - đen - lục lam - đỏ; 02 (hai) cuộn nhựa dẻo trong suốt.

Tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước: Tiền Việt Nam: 7.198.000 đồng (Bảy triệu một trăm chín mươi tám nghìn đồng); 01 (một) điện thoại di động hiệu

SAMSUNG A7 vỏ màu vàng, số seri R58JB21NTLK, đã qua sử dụng, kèm theo 01 sim Viettel số 0352.808.326; 01 (một) xe mô tô hiệu Honda Wave, biển số 51Y1-0729; 01 giấy đăng ký mô tô, xe máy số A 1693052, chủ xe Nguyễn Hữu Kiệt biển số 51Y1-0729 cấp ngày 29/10/2001; 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung, đã qua sử dụng có số IMEI 1: 359933099516089, số IMEI 2: 359934099516087 kèm theo 02 sim điện thoại số 0327046388, 0338467973; 01 (một) điện thoại di động hiệu Redmi, có số IMEI1: 866583047265929; IMEI2: 866583047785926, kèm theo 01 sim số 0585837574; 01 (một) xe mô tô hiệu Wave, biển số 71B4-181.10, màu đỏ - đen - bạc; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 236946 mang tên Nguyễn Trung H, biển số đăng ký 71B4-181.10; 01 (một) máy ép nhựa hiệu SPEED ALONG, có mã số RCEPB2022Y02478; 01 máy photo màu hiệu CANON MX357, có mã số CCAB09LP0890T8; 01 (một) xe mô tô hiệu AIRBLEDE, biển số đăng ký 71B2-278.16; 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 001742 mang tên Hồ Tấn P, biển số đăng ký 71B2-278.16.

Trả cho bị cáo Dương Tuấn H: 01 (một) giấy đăng ký mô tô, xe máy số A 1787925, chủ xe Phan Văn Hoàng biển số 51X2-6740 cấp ngày 11/01/2002.

Trả cho bị cáo Nguyễn Trung H số tiền 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

Trả cho chị Võ Thị H số tiền 1.942.000 đồng (Một triệu chín trăm bốn mươi hai nghìn đồng).

Trả cho chị Trần Thị K số tiền 210.000 đồng (Hai trăm mười nghìn đồng).

Vật chứng nêu trên hiện do Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Bến Tre tạm giữ theo Biên lai thu tiền số: 0000539 và Biên bản giao, nhận vật chứng lập cùng ngày 25 tháng 3 năm 2024 giữa Cơ quan An ninh Điều tra Công an tỉnh Bến Tre với Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Bến Tre.

[4] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ các điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc các bị cáo Nguyễn Mộng T, Nguyễn Nhật K, Nguyễn Trung H và Dương Tuấn H mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

Buộc bị cáo Hồ Tấn P phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) và án phí dân sự sơ thẩm là 545.000 đồng (Năm trăm bốn mươi lăm nghìn đồng).

[5] Về quyền kháng cáo: Căn cứ các điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhân:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện M;
- Cơ quan ANĐT - Công an tỉnh Bến Tre;
- Công an huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- UBND xã TL, xã TĐ;
- UBND xã AT, xã AD;
- Ngân hàng Nhà nước - Chi nhánh tỉnh Bến Tre;
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre;
- Bị cáo, đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**
(Đã ký)

Nguyễn Hồng Dân